



fēng guāng

风光

Noun · scene; view; sight

Example Sentences

zhè lǐ de fēng guāng hěn měi
这里的风光很美。

The scenery here is beautiful.

tā xǐ huān qù hǎi biān kàn fēng guāng
他喜欢去海边看风光。

He likes to go to the seaside to see the scenery.

dēng shàng shān dǐng kě yǐ xīn shǎng dào zhuàng lì de fēng guāng
登上山顶，可以欣赏到壮丽的风光。

Reaching the mountaintop, you can enjoy the magnificent scenery.

Trace each character, then write the word on your own.

风 风 风 风 风 风 风

光 光 光 光 光 光 光 光 光